

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Vũ L (Vũ L), sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2022, anh Trần Vũ L (Vũ L) trình bày: Năm 2006, qua mai mối anh có quen biết với chị Phạm Thị P, qua thời gian tìm hiểu hai bên tiến đến hôn nhân. Được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho tôi và chị P vào năm 2008, sau khi cưới chúng tôi cùng nhau về sống chung nhà với gia đình anh. Anh và chị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp ngày 03 tháng 10 năm 2011. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, mâu thuẫn về chuyện tình cảm, thường hay cãi nhau. Đến tháng 6 năm 2019, chị P rời nhà đi làm tại công ty ở Bình Dương, chị P có người khác khi làm tại công ty đó và anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị P. Về con chung: Anh và chị P chung sống có 02 con chung Trần Quốc H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010 và Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013, nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh và chị P tự nguyện thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị P chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với chị Phạm Thị P, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 03 tháng 10 năm 2022, cháu Trần Quốc H trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với ba

Tại bản khai ngày 03 tháng 10 năm 2022, cháu Trần Thị Cẩm T trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với ba

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Vũ L (Vũ L) được ly hôn với chị Phạm Thị P; về con chung: Giao 02 cháu Trần Quốc H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010 và Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 cho

anh Trần Vũ L (Vũ L) tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung, anh L trình bày đã tự thỏa thuận và nợ chung thì không có, còn chị P không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Trần Vũ L (Vũ L) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phạm Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Vũ L (Vũ L) và chị Phạm Thị P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Vũ L (Vũ L) đối với chị Phạm Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Vũ L thì cuộc sống của anh và chị P không còn hạnh phúc từ đầu năm 2019 do mâu thuẫn về chuyện tình cảm, thường hay cãi nhau và anh chị đã không còn chung sống từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh Vũ L đối với chị P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Vũ L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Vũ L ly hôn với chị P.

[4] Về việc nuôi con: Anh Trần Vũ L (Vũ L) yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Quốc H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010 và Trần Thị

Cầm T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013 và không yêu cầu chị Phạm Thị P cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, 02 con chung từ khi anh L và chị P không còn sống chung và hiện nay đều do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, 02 cháu cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L chưa có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Trần Vũ L (Vũ L) cho rằng tài sản chung anh chị đã tự thỏa thuận và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Phạm Thị P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ L (Vũ L), cho ly hôn giữa anh Trần Vũ L (Vũ L) và chị Phạm Thị P.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Trần Vũ L (Vũ L) được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Trần Quốc H, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2010 và Trần Thị Cầm T, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2013.

2.2. Chị Phạm Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Vũ L (Vũ L) chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004058 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng